

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trương Văn N, sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Cư trú tại: Ấp H, xã T, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Trương Văn N trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian đầu ông và bà H chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau một quá trình chung sống ông và bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống thường xuyên cự cãi. Từ đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngày càng mâu thuẫn và cuộc sống không còn như lúc ban đầu. Ông và bà H đã không còn chung sống với

nhau từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Tân giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Trong quá trình chung sống ông và bà H có hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 và Trương Phúc H1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Ông cho rằng phần đất là tài sản riêng của ông do mẹ ông cho lại anh chị em của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H. Hiện tại ông đang làm thủ tục tặng cho anh ruột của anh là ông Trương Minh P vào khoảng năm 2018, còn về phần nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 6 năm 2020 bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông Trương Văn N về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, mâu thuẫn giữa vợ chồng là đúng như ông N đã trình bày nhưng bà và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây vào khoảng năm 2002, thời gian không còn chung sống với nhau không đúng như ông N trình bày, bà và ông N không còn chung sống từ đầu năm 2020 cho đến nay. Bà nhận thấy sống chung với ông N không còn hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N. Về con chung, có hai người đúng như ông N đã trình bày, bà đồng ý giao hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 và Trương Phúc H1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà xác định gồm có một phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 17 công tọa lạc tại ấp Hưng Hiệp, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nguồn gốc đất là do mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị Keo cho lại bà và ông N khoảng vào năm 2013, hiện tại ông Trương Văn N đang làm hợp đồng tặng cho ông Trương Minh P vào năm 2018, bà yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Trương Văn N và ông Trương Minh Phước, để bà yêu cầu chia đôi phần đất trên với ông N, giao ông N quản lý sử dụng phần đất 17 công còn bà được nhận giá trị theo giá hiện tại. Về phần nợ chung: Bà sẽ trình bày trong đơn yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Nguyễn Thị H, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, ông N cho rằng không có đăng ký kết hôn, bà H cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân nhưng giấy kết hôn đã bị thất lạc. Tại công văn số 82/UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xác định qua trích lục sổ lưu tại xã từ năm 1998 đến năm 2020 ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H không có đăng ký kết hôn trong sổ bộ hộ tịch. Do đó có cơ sở xác định ông N và bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa ông N và bà H là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H.

[4] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H có hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 và Trương Phúc H1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007, con chung do ông N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi hai người con chung. Tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 6 năm 2020 và tại phiên tòa bà H đồng ý giao hai người con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa ông N và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của ông N và bà H, giao hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D, sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 và Trương Phúc H1, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007 cho ông Trương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Ông N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung bà H cho rằng vợ chồng có tài sản chung là phần đất nuôi trồng thủy sản có diện tích 17 công toạ lạc tại ấp Hưng Hiệp, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nguồn gốc đất là do mẹ chồng bà là bà Nguyễn Thị Keo cho vợ chồng, bà H yêu cầu chia phần đất, bà yêu cầu được nhận giá trị. Xét thấy bà H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng bà H không nộp đơn yêu cầu phản tố và không nộp án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự không thỏa thuận được có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác. Về nợ chung ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông N phải chịu 300.000 đồng, ông N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị H.

- Về quyền nuôi con chung: Giao hai người con chung tên Trương Thị Mỹ D (giới tính nữ), sinh ngày 09 tháng 02 năm 2004 và Trương Phúc H1 (giới tính nam), sinh ngày 24 tháng 11 năm 2007 cho ông Trương Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Ông Trương Văn N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011634 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; ông N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, ông N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi Cục THADS huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**